

*Bản án số: 58/2021/DS-ST*  
*Ngày: 13/5/2021*  
*V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Ngô Văn Mừng.

- Ông Đặng Văn Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phước Lợi – kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 362/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp: “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2021/QĐST-DS ngày 7 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP AC (ACB). Trụ sở: 442 NTMK, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật ông Đỗ Minh T, chức vụ Tổng giám đốc. Ủy quyền cho bà Thái Thị Thanh T1, sn 1990 nhân viên xử lý nợ. Đại chỉ Lầu 6, tòa nhà QCB Town 444A-446A CMT8, phường 11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số 1334/2020/UQ-TGĐ12 ngày 18/3/2021). Có mặt.

**2. Bị đơn:**

**2.1.** Bà Quách Thị T2, sinh năm 1990.

**2.2.** Ông Lê Trường G, sinh năm 1991.

Cùng cư trú: ấp AT, xã HA, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**3.1.** Ông Quách Văn T3, sinh năm 1969.

**3.3.** Bà Võ Thị Ngọc B, sinh năm 1970.

**3.4.** Bà Quách Thị T4;

Cùng cư trú: ấp BT1, xã HA, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bảng tự khai và biên bản hòa giải đại diện nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP AC và bà Quách Thị T2 có ký hợp đồng tín dụng số ANG.CN. 312.210916 ngày 28/9/2016, khế ước nhận nợ số 246394059 ngày 21/9/2017 theo hợp đồng bà T2 vay số tiền 1.100.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9,25%/năm, lãi quá hạn là 150%, lãi phạt chậm trả là 10%; tính đến ngày 07/4/2021 thì bà T2 còn nợ lại số tiền là 930.149.636đồng (trong đó vốn gốc 431.524.633đồng, tiền lãi tính đến ngày 13/5/2021 gồm: lãi trong hạn 26.954.521đồng, lãi quá hạn 420.537.613đồng, phạt chậm trả lãi 51.132.869đồng). Nay yêu cầu bà T2 cùng với ông Quách Văn T3, bà Võ Thị Ngọc B, ông Lê Trường G có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên theo văn Giấy cam kết trả về việc trả nợ ngày 27/9/2016 và ngày 8/9/2017 và tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng cấp tín dụng, khế ước nhận nợ, tính kể từ ngày 14/5/2021 đến ngày trả hết nợ.

Ngoài ra vào ngày 16/02/2017 Ngân hàng TMCP AC và bà Quách Thị T2 và ông Lê Trường G có ký hợp đồng tín dụng ANG.CN.494.161216 ngày 16/02/2017, khế ước nhận nợ số 232308319 ngày 16/02/2017, theo hợp đồng bà T2 ông G vay số tiền 4.500.000.000đ, thời hạn cho vay từ 16/02/2017 đến 16/02/2022, lãi suất 8,5%/năm, lãi suất quá hạn 150%; quá trình thực hiện hợp đồng bà T2, ông G thực hiện không đúng theo hợp đồng, tính đến ngày 07/4/2021 thì bà T2 ông G đã trả phần vốn còn nợ lại số tiền lãi là 945.758.044 đồng (lãi trong hạn 201.437.500đ, lãi quá hạn 636.234.375đ, phạt vi phạm chậm trả 108.086.169đ). Nay yêu cầu bà T2, ông G cùng với ông Quách Văn T3, bà Võ Thị Ngọc B có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên theo văn Giấy cam kết trả về việc trả nợ ngày 16/02/2017 và tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng cấp tín dụng, khế ước nhận nợ, tính kể từ ngày 14/5/2021 đến ngày trả hết nợ.

Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số ANG.BĐCN.171.210916 ngày 27/9/2016 giữa ngân hàng ACB – chi nhánh An Giang với bà Quách Thị T2 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐSCN.173.210916 ngày 27/9/2016 ký giữa ACB – chi nhánh An Giang với ông Quách Văn T3, bà Võ Thị Ngọc B để đảm bảo cho việc thi hành án và thu hồi nợ.

Bị đơn, người có quyền nghĩa vụ liên được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Hợp đồng tín dụng số ANG.CN. 312.210916 ngày 28/9/2016, khế ước nhận nợ số 246394059 ngày 21/9/2017 giữa Ngân hàng TMCP AC với bà T2 theo hợp đồng bà T2 vay số tiền 1.100.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9,25%/năm, lãi quá hạn là 150%, lãi phạt chậm trả là 10%; tính đến ngày 13/5/2021 thì bà T2 còn nợ lại số tiền là 930.149.636đồng (trong đó vốn gốc 431.524.633đồng, tiền lãi lãi trong

hạn 26.954.521đồng, lãi quá hạn 420.537.613đồng, phạt chậm trả lãi 51.132.869đồng). Ngoài ra vào ngày 16/02/2017 Ngân hàng TMCP AC và bà Quách Thị T2 và ông Lê Trường G có ký hợp đồng tín dụng ANG.CN.494.161216 ngày 16/02/2017, khế ước nhận nợ số 232308319 ngày 16/02/2017, theo hợp đồng bà T2 ông G vay số tiền 4.500.000.000đ, thời hạn cho vay từ 16/02/2017 đến 16/02/2022, lãi suất 8,5%/năm, lãi suất quá hạn 150%; quá trình thực hiện hợp đồng bà T2, ông G thực hiện không đúng theo hợp đồng, tính đến ngày 13/5/2021 thì bà T2 ông G đã trả phần vốn còn nợ lại số tiền lãi là 949.352.599 đồng (lãi trong hạn 201.437.500đ, lãi quá hạn 636.234.375đ, phạt vi phạm chậm trả 111.680.724đ).

Hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐCN.171.210916 ngày 27/9/2016 giữa Ngân hàng TMCP AC với bà T2 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐCN.173.210916 ngày 27/9/2016 Ngân hàng TMCP AC với ông T3 bà B được đăng ký thế chấp. Ngoài ra ông G, ông T3 bà B có văn bản cam kết cùng liên đới trả nợ với bà T2 đối với hợp đồng tín dụng số ANG.CN. 312.210916 ngày 28/9/2016, khế ước nhận nợ số 246394059 ngày 21/9/2017 giữa Ngân hàng TMCP AC với bà T2; ông T3 bà B có văn bản cùng liên đới trả nợ đối cùng với bà T2 ông G đối với hợp đồng tín dụng ANG.CN.494.161216 ngày 16/02/2017, khế ước nhận nợ số 232308319 ngày 16/02/2017.

Do bà T2 ông G vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu: Ông G, ông T3 bà B có nghĩa vụ liên đới cùng với bà T2 trả số tiền là 930.149.636đồng (trong đó vốn gốc 431.524.633đồng, tiền lãi tính đến ngày 13/5/2021 gồm: lãi trong hạn 26.954.521đồng, lãi quá hạn 420.537.613đồng, phạt chậm trả lãi 51.132.869đồng). Yêu cầu ông T3 bà B có nghĩa vụ liên đới cùng với ông G trả số tiền lãi là 949.352.599 đồng (lãi trong hạn 201.437.500đ, lãi quá hạn 636.234.375đ, phạt vi phạm chậm trả 111.680.724đ) là phù hợp Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐCN.171.210916 ngày 27/9/2016 giữa Ngân hàng TMCP AC với bà T2 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐCN.173.210916 ngày 27/9/2016 Ngân hàng TMCP AC với ông T3 bà B được đăng ký thế chấp nên Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo Điều 323 Bộ luật dân sự và Điều 56, 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn cư trú tại xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt.

Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP AC với bà T2 được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, được thể hiện bằng: Hợp đồng cấp tín dụng số ANG.CN. 312.210916 ngày 28/9/2016, khế ước nhận nợ số 246394059 ngày 21/9/2017 giữa Ngân hàng TMCP AC với bà T2 theo hợp đồng bà T2 vay số tiền 1.100.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9,25%/năm, lãi quá hạn là 150%, lãi phạt chậm trả là 10%; tính đến ngày 13/5/2021 thì bà T2 còn nợ lại số tiền là 930.149.636đồng (trong đó vốn gốc 431.524.633đồng, tiền lãi trong hạn 26.954.521đồng, lãi quá hạn 420.537.613đồng, phạt chậm trả lãi 51.132.869đồng). Ngoài ra vào ngày 16/02/2017 Ngân hàng TMCP AC và bà Quách Thị T2 và ông Lê Trường G có ký hợp đồng cấp tín dụng ANG.CN.494.161216 ngày 16/02/2017, khế ước nhận nợ số 232308319 ngày 16/02/2017, theo hợp đồng bà T2 ông G vay số tiền 4.500.000.000đ, thời hạn cho vay 180 tháng từ 16/02/2017 đến 16/02/2032, lãi suất 8,5%/năm, lãi suất quá hạn 150%; quá trình thực hiện hợp đồng bà T2, ông G thực hiện không đúng theo hợp đồng, tính đến ngày 13/5/2021 thì bà T2 ông G đã trả phần vốn còn nợ lại số tiền lãi là 949.352.599 đồng (lãi trong hạn 201.437.500đ, lãi quá hạn 636.234.375đ, phạt vi phạm chậm trả 111.680.724đ). Về hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Ngoài ra vào ngày 27/9/2016 và ngày 8/9/2017 ông T3, bà B và ông G ký “*Giấy cam kết về việc trả nợ*” nội dung cùng với bà T2 trả toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bà T2 đối với các hợp đồng tín dụng của bà T2 với Ngân hàng TMCP AC. Ngày 16/02/2017 ông T3, bà B Giang ký “*Giấy cam kết về việc trả nợ*” nội dung cùng với bà T2, ông G trả toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bà T2, ông G đối với các hợp đồng tín dụng của bà T2, ông G với Ngân hàng TMCP AC. Xét thấy sự thỏa thuận về nghĩa vụ liên đới của các bên là phù hợp với Điều 274, Điều 288 Bộ luật dân sự.

[2.1] Căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là hồ sơ Hợp đồng tín dụng số ANG.CN. 312.210916 ngày 28/9/2016, khế ước nhận nợ số 246394059 ngày 21/9/2017, hợp đồng tín dụng ANG.CN.494.161216 ngày 16/02/2017, khế ước nhận nợ số 232308319 ngày 16/02/2017, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số ANG.BĐCN.171.210916 ngày 27/9/2016 giữa ngân hàng ACB – chi nhánh An Giang với bà Quách Thị T2 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐSCN.173.210916 ngày 27/9/2016 ký giữa ACB – chi nhánh An Giang với ông Quách Văn T3, bà Võ Thị Ngọc B. “*Giấy cam kết về việc trả nợ*” ngày 27/9/2016, ngày 8/9/2017 và 16/02/2017. Tuy nhiên cho đến hôm nay bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì. Do đó theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có giá trị pháp lý.

[2.2] Về thực hiện hợp đồng tín dụng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án thì bà T2 còn nợ hợp đồng tín dụng số ANG.CN. 312.210916 ngày 28/9/2016, khế ước nhận nợ số 246394059 ngày 21/9/2017 tính đến ngày 13/5/2021 số tiền là 930.149.636đồng (trong đó vốn

gốc 431.524.633đồng, tiền lãi trong hạn 26.954.521đồng, lãi quá hạn 420.537.613đồng, phạt chậm trả lãi 51.132.869đồng). Hợp đồng tín dụng ANG.CN.494.161216 ngày 16/02/2017, khế ước nhận nợ số 232308319 ngày 16/02/2017 thì bà T2 ông G thì bà T2 ông G đã trả phần vốn gốc còn nợ lại số tiền lãi là 949.352.599 đồng (lãi trong hạn 201.437.500đ, lãi quá hạn 636.234.375đ, phạt vi phạm chậm trả 111.680.724đ). Nay nguyên đơn yêu cầu: Ông G, ông T3 bà B có nghĩa vụ liên đới cùng với bà T2 trả số tiền là 930.149.636đồng (trong đó vốn gốc 431.524.633đồng, tiền lãi tính đến ngày 13/5/2021 gồm: lãi trong hạn 26.954.521đồng, lãi quá hạn 420.537.613đồng, phạt chậm trả lãi 51.132.869đồng). Yêu cầu ông T3 bà B có nghĩa vụ liên đới cùng với ông G trả số tiền lãi là 949.352.599 đồng (lãi trong hạn 201.437.500đ, lãi quá hạn 636.234.375đ, phạt vi phạm chậm trả 111.680.724đ) là phù hợp Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

[2.3] Hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐCN.171.210916 ngày 27/9/2016 giữa Ngân hàng TMCP AC với bà T2 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐCN.173.210916 ngày 27/9/2016 Ngân hàng TMCP AC với ông T3 bà B được đăng ký thế chấp ngày 28/9/2016. Tòa án cũng đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Qua xem xét thì phần đất thế chấp có căn nhà cấp 4b hiện do bà Quách Thị T4 đang ở. Xét thấy, Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên nhằm đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ của bà T2, ông G với nguyên đơn. Hợp đồng này ký kết trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và được chứng thực và được đăng ký thế chấp theo quy định pháp luật nên Hợp đồng thế chấp này có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành theo Điều 319 Bộ luật dân sự 2015. Đối với bà Quách Thị T4 là người sinh sống trong căn nhà trên Tòa án đã Thông báo đưa vào tham gia tố tụng và được triệu tập đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không gởi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên không xem xét đến quyền lợi của bà Thắng trong vụ án này. Do đó, khi bà T2, ông G không thanh toán nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ là phù hợp Điều 320, Điều 323 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Chi phí tố tụng: Số tiền 500.000đ do nguyên đơn tạm nộp, bị đơn phải chịu.

[4] Về án phí: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 274, Điều 288; Điều 319; Điều 320; Điều 323; Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 147, 273, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP AC.

Buộc bà Quách Thị T2 có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Lê Trường G, ông Quách Văn T3 và bà Võ Thị Ngọc B trả cho Ngân hàng TMCP AC số tiền là 930.149.636đồng (trong đó vốn gốc 431.524.633đồng, tiền lãi tính đến ngày 13/5/2021 gồm: lãi trong hạn 26.954.521đồng, lãi quá hạn 420.537.613đồng, phạt chậm trả lãi 51.132.869đồng) theo hợp đồng cấp tín dụng số ANG.CN.312.210916 ngày 28/9/2016 và khế ước nhận nợ số 246394059 ngày 21/9/2017.

Buộc bà Quách Thị T2, ông Lê Trường G có nghĩa vụ liên đới cùng với ông Quách Văn T3 và bà Võ Thị Ngọc B trả cho Ngân hàng TMCP AC số tiền lãi tính đến ngày 13/5/2021 là 949.352.599 đồng gồm: lãi trong hạn 201.437.500đ, lãi quá hạn 636.234.375đ, phạt vi phạm chậm trả 111.680.724đ theo hợp đồng cấp tín dụng ANG.CN.494.161216 ngày 16/02/2017, khế ước nhận nợ số 232308319 ngày 16/02/2017.

Kể từ ngày 14/5/2021 bà Quách Thị T2 còn phải chịu khoản tiền lãi, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng cấp tín dụng số ANG.CN.312.210916 ngày 28/9/2016 và khế ước nhận nợ số 246394059 ngày 21/9/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Kể từ ngày 14/5/2021 bà Quách Thị T2, ông Lê Trường G còn phải chịu khoản tiền lãi, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng cấp tín dụng ANG.CN.494.161216 ngày 16/02/2017, khế ước nhận nợ số 232308319 ngày 16/02/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp bà Quách Thị T2, ông Lê Trường G không trả được nợ, hoặc trả nợ chưa đầy đủ thì Ngân hàng TMCP AC đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐCN.171.210916 ngày 27/9/2016 giữa Ngân hàng TMCP AC với bà T2 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐCN.173.210916 ngày 27/9/2016 Ngân hàng TMCP AC với ông T3 bà B được đăng ký thế chấp ngày 28/9/2016 để đảm bảo thi hành án.

Chi phí tố tụng 500.000đ bà Quách Thị T2, ông Lê Trường G (do nguyên đơn tạm nộp); bà Quách Thị T2, ông Lê Trường G có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP AC số tiền 500.000đ.

Án phí DSST: bà Quách Thị T2, ông Lê Trường G, Quách Văn T3 và bà Võ Thị Ngọc B phải chịu 68.385.000đ.

Hoàn trả số tiền 37.947.300đồng tiền tạm ứng án phí cho ngân hàng TMCP AC theo biên lai số 0013681 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ngân hàng TMCP AC có quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Bình**